

Số: 1360/TB-BVĐKCL

Thị xã Cai Lậy, ngày 18 tháng 7 năm 2024

### THÔNG BÁO

#### Về việc lựa chọn Tổ chức đấu giá cho thuê tài sản gói “Đấu giá cho thuê Diện tích xây dựng trên đất để đặt máy ATM”

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016;

Căn cứ Thông tư 45/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính quy định khung thù lao dịch vụ bán đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư 48/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư 108/2020/TT-BTC ngày 21/12/2020 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 45/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017;

Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản.

Bệnh viện Đa khoa Khu vực Cai Lậy thông báo về việc lựa chọn Tổ chức đấu giá cho thuê tài sản như sau:

#### 1. Tên, địa chỉ của người có tài sản cho thuê:

- Tên người có tài sản cho thuê: Bệnh viện Đa khoa Khu vực Cai Lậy
- Địa chỉ của người có tài sản cho thuê: Số 398, Quốc lộ 1, khu phố 1, phường 4, thị xã Cai Lậy, Tiền Giang.

#### 2. Tên tài sản, số lượng, chất lượng của tài sản cho thuê:

| STT | Tên tài sản cho thuê                                | ĐVT            | Số lượng | Địa điểm cho thuê               | Phạm vi kinh doanh | Thời gian cho thuê |
|-----|---|----------------|----------|---------------------------------|--------------------|--------------------|
| 1   | Cho thuê diện tích xây dựng trên đất để đặt máy ATM | m <sup>2</sup> | 4        | Phía trước cổng chính bệnh viện | Đặt máy ATM        | 24 tháng           |

#### 3. Giá khởi điểm của tài sản cho thuê:

| STT | Tên tài sản cho thuê                                | Giá khởi điểm cho thuê (đồng/tháng) | Thời gian cho thuê (tháng) | Tổng giá thuê khởi điểm (đồng) |
|-----|---|-------------------------------------|----------------------------|--------------------------------|
| 1   | Cho thuê diện tích xây dựng trên đất để đặt máy ATM | 2.000.000                           | 24                         | 48.000.000                     |

#### 4. Tiêu chí lựa chọn Tổ chức đấu giá cho thuê tài sản:

| TT  | NỘI DUNG  | MỨC TỐI ĐA  |
|-----|---|-------------|
| I   | <b>Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá</b>   | <b>23,0</b> |
| 1   | <b>Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá</b>  | <b>11,0</b> |
| 1.1 | Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử...)  | 6,0         |
| 1.2 | Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện   | 5,0         |
| 2   | <b>Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá</b>  | <b>8,0</b>  |
| 2.1 | Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá bảo đảm an toàn, bảo mật và các phương tiện khác bảo đảm cho việc đấu giá   | 4,0         |
| 2.2 | Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá  | 4,0         |
| 3   | Có trang thông tin điện tử đang hoạt động   | 2,0         |
| 4   | Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến   | 1,0         |
| 5   | Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá  | 1,0         |
| II  | <b>Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)</b>  | <b>22,0</b> |
| 1   | Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan   | 4,0         |
| 2   | Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao   | 4,0         |
| 3   | Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, đùm giá  | 4,0         |
| 4   | Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá   | 4,0         |
| 5   | Phương án đấu giá đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá   | 3,0         |
| 6   | Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá  | 3,0         |
| III | <b>Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản</b>  | <b>45,0</b> |
| 1   | Trong năm trước liền kề đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1.1, 1.2, 1.3, 1.4 hoặc 1.5 | 6,0         |
| 1.1 | Dưới 03 hợp đồng (bao gồm trường hợp không thực hiện hợp đồng)  | 2,0         |

| TT  | NỘI DUNG  | MỨC TỐI ĐA |
|-----|---|------------|
|     | nào)  |            |
| 1.2 | Từ 03 hợp đồng đến dưới 10 hợp đồng   | 3,0        |
| 1.3 | Từ 10 hợp đồng đến dưới 20 hợp đồng   | 4,0        |
| 1.4 | Từ 20 hợp đồng đến dưới 30 hợp đồng   | 5,0        |
| 1.5 | Từ 30 hợp đồng trở lên  | 6,0        |
| 2   | <b>Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng)<br/>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 hoặc 2.5</b>                                 | 18,0       |
| 2.1 | Dưới 20% (bao gồm trường hợp không có chênh lệch)   | 10,0       |
| 2.2 | Từ 20% đến dưới 40%   | 12,0       |
| 2.3 | Từ 40% đến dưới 70%   | 14,0       |
| 2.4 | Từ 70% đến dưới 100%  | 16,0       |
| 2.5 | Từ 100% trở lên   | 18,0       |
| 3   | <b>Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực)<br/>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 3.1, 3.2 hoặc 3.3</b>   | 5,0        |
| 3.1 | Dưới 03 năm   | 3,0        |
| 3.2 | Từ 03 năm đến dưới 05 năm   | 4,0        |
| 3.3 | Từ 05 năm trở lên   | 5,0        |
| 4   | <b>Số lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản<br/>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 4.1, 4.2 hoặc 4.3</b>  | 3,0        |
| 4.1 | 01 đấu giá viên   | 1,0        |
| 4.2 | Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên  | 2,0        |
| 4.3 | Từ 05 đấu giá viên trở lên  | 3,0        |
| 5   | <b>Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản)<br/>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 5.1, 5.2 hoặc 5.3</b> | 4,0        |
| 5.1 | Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên  | 2,0        |
| 5.2 | Từ 01 đến 02 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên  | 3,0        |

| <b>TT</b>           | <b>NỘI DUNG</b>  | <b>MỨC TỐI ĐA</b>         |
|---------------------|--|---------------------------|
| 5.3                 | <i>Từ 03 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên</i>   | 4,0                       |
| <b>6</b>            | <b><i>Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng</i></b><br><b><i>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 6.1, 6.2, 6.3 hoặc 6.4</i></b>   | <b>5,0</b>                |
| 6.1                 | <i>Dưới 50 triệu đồng</i>  | 2,0                       |
| 6.2                 | <i>Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng</i>  | 3,0                       |
| 6.3                 | <i>Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng</i>   | 4,0                       |
| 6.4                 | <i>Từ 200 triệu đồng trở lên</i>   | 5,0                       |
| <b>7</b>            | <b><i>Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động</i></b><br><b><i>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 7.1 hoặc 7.2</i></b>  | <b>3,0</b>                |
| 7.1                 | <i>Dưới 03 nhân viên (bao gồm trường hợp không có nhân viên nào)</i>   | 2,0                       |
| 7.2                 | <i>Từ 03 nhân viên trở lên</i>   | 3,0                       |
| <b>8</b>            | <b><i>Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn</i></b>   | <b>1,0</b>                |
| <b>IV</b>           | <b><i>Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp</i></b><br><b><i>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1, 2 hoặc 3</i></b>  | <b>5,0</b>                |
| 1                   | <i>Bằng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính</i>   | 3,0                       |
| 2                   | <i>Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)</i>       | 4,0                       |
| 3                   | <i>Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)</i> | 5,0                       |
| <b>V</b>            | <b><i>Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định</i></b><br><b><i>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1 hoặc 2</i></b>   | <b>5,0</b>                |
| 1                   | <i>Tổ chức đấu giá có mức chào thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá thấp nhất.</i>   | 5,0                       |
| 2                   | <i>Tổ chức đấu giá có mức chào thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá cao hơn (so với Tổ chức đấu giá có mức chào thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá thấp nhất).</i>   | 3,0                       |
| <b>Tổng số điểm</b> |  | <b>100</b>                |
| <b>VI</b>           | <b><i>Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</i></b>   |                           |
| 1                   | <i>Có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</i>  | <b>Đủ điều kiện</b>       |
| 2                   | <i>Không có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</i>  | <b>Không đủ điều kiện</b> |

**\* Lưu ý:**

- Hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản do tổ chức đấu giá tài sản xây dựng, có dấu xác nhận của tổ chức đấu giá tài sản bao gồm thông tin đầy đủ các nhóm tiêu chí, tiêu chí thành phần quy định tại bảng tiêu chí trên.

- Trong trường hợp người đại diện theo pháp luật, đấu giá viên của tổ chức bị kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật về tội vi phạm quy định về hoạt động bán đấu giá tài sản; tổ chức đấu giá tài sản, đấu giá viên bị xử lý vi phạm hành chính; tổ chức đấu giá tài sản bị cơ quan có thẩm quyền xác định không thực hiện thông báo công khai việc đấu giá tài sản trên Cổng thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ thì tổ chức đấu giá tài sản có trách nhiệm cung cấp các thông tin này.

- Tổ chức đấu giá tài sản chịu trách nhiệm đối với thông tin, các giấy tờ, tài liệu chứng minh trong hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn của mình. Tổ chức đấu giá tài sản có thể gửi kèm theo bản đánh máy hoặc bản chụp các giấy tờ, tài liệu chứng minh trong hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn của mình.

- Hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá cần phải được trình bày và sắp xếp có thứ tự theo các nội dung theo bảng tiêu chí lựa chọn.

- Không hoàn trả hồ sơ đối với những đơn vị không được lựa chọn.

- Trường hợp có từ hai tổ chức đấu giá trở lên có tổng số điểm chấm bằng nhau thì việc lựa chọn tổ chức đấu giá ưu tiên theo thứ tự như sau:

+ Tổ chức có số điểm về thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản cao hơn.

+ Tổ chức có số điểm của tiêu chí về năng lực, kinh nghiệm và uy tín cao hơn.

+ Tổ chức có số điểm về tiêu chí phương án đấu giá khả thi, hiệu quả cao hơn.

- Địa điểm tổ chức đấu giá: tại Bệnh viện Đa khoa Khu vực Cai Lậy, địa chỉ: 398, Quốc lộ 1, khu phố 1, phường 4, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

**5. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá:**

- Thời gian nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá: từ 07 giờ 00 phút ngày 18/7/2024 đến 16 giờ 30 phút ngày 26/7/2024 (trong giờ hành chính).

- Địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá: tại phòng Hành chính quản trị - Bệnh viện Đa khoa Khu vực Cai Lậy (398, Quốc lộ 1, khu phố 1, phường 4, thị xã Cai Lậy, Tiền Giang).

- Mọi thắc mắc trong quá trình nộp hồ sơ vui lòng liên hệ số điện thoại 02733 820 073.

Bệnh viện Đa khoa Khu vực Cai Lậy trân trọng thông báo để các Tổ chức đấu giá tài sản biết và đăng ký tham gia./.

**Nơi nhận:**

- Phó Giám đốc (để biết);
- Cổng thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản;
- Phòng CNTT (đăng tải trên Website: <https://bvdkkvcailay.vn>);
- Bảng thông báo nội bộ;
- Lưu: VT, HCQT (Nhưng).



**Q. GIÁM ĐỐC**

**BS. Nguyễn Văn Luận**